TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 550/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2017
V/v Ly hôn giữa bà N và ông C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Hương.

2. Bà Quách Thị Bích Ngà.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2017/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Khu phố 1, thị trấn Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; địa chỉ liên lạc: ấp 3, Quốc lộ 50, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Vương C, sinh năm 1965; địa chỉ: đường T, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông Vương C quen biết nhau do mai mối, tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2013, quyển số 01/2013, đăng ký ngày 13/11/2013.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Vương Gia H, sinh ngày 28/8/2013.

Trong quá trình chung sống với nhau, từ năm 2015 bà N và ông C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần xảy ra tranh cãi, nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hợp tính tình. Bà N cho rằng ông C không quan tâm đến gia đình và thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ. Bà N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm giữa bà và ông C không còn. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông C.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện đã nêu và ý kiến bà đã trình bày trong Bản tự khai tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 203, 220, 227, 228, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xử cho bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Vương C. Về con: Giao cháu Vương Gia H, sinh ngày 28/8/2013 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: bà N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu ly hôn với ông Vương C, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại kết quả xác minh của Công an Phường 12, Quận 11 thì ông Vương C có đăng ký thường trú tại Quận 11. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Vương C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông Vương C nhưng ông C cố tình vắng mặt, không hợp tác. Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Vương C tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban

nhân dân Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2013, quyển số 01/2013, đăng ký ngày 13/11/2013. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống mà không thể giải quyết được. Bà N và ông C đã sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau thể hiện tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhiều lần thông báo cho ông C đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông C không hợp tác, vắng mặt nên vụ án không hòa giải được. Như vậy, chứng tỏ ông C không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có ý định hoà giải, hàn gắn với bà N, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn giữa ông C và bà N. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông C đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung cùng với nhau vì vậy nên chấp nhận yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông C.

[4] *Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung:* Căn cứ vào giấy khai sinh thì bà N và ông C chung sống có 01 con chung tên là Vương Gia H, sinh ngày 28/8/2013, hiện trẻ H đang ở cùng bà N. Khi ly hôn bà N đề nghị được trực tiếp nuôi con là nguyện vọng chính đáng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, cần giao trẻ H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Vương C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An cấp ngày 13/11/2013 không còn giá trị.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ tên Vương Gia H, sinh ngày 28/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông C thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004245 ngày 29/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.